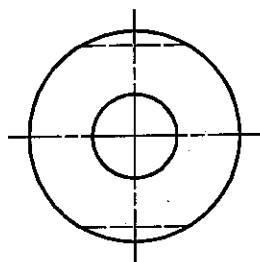
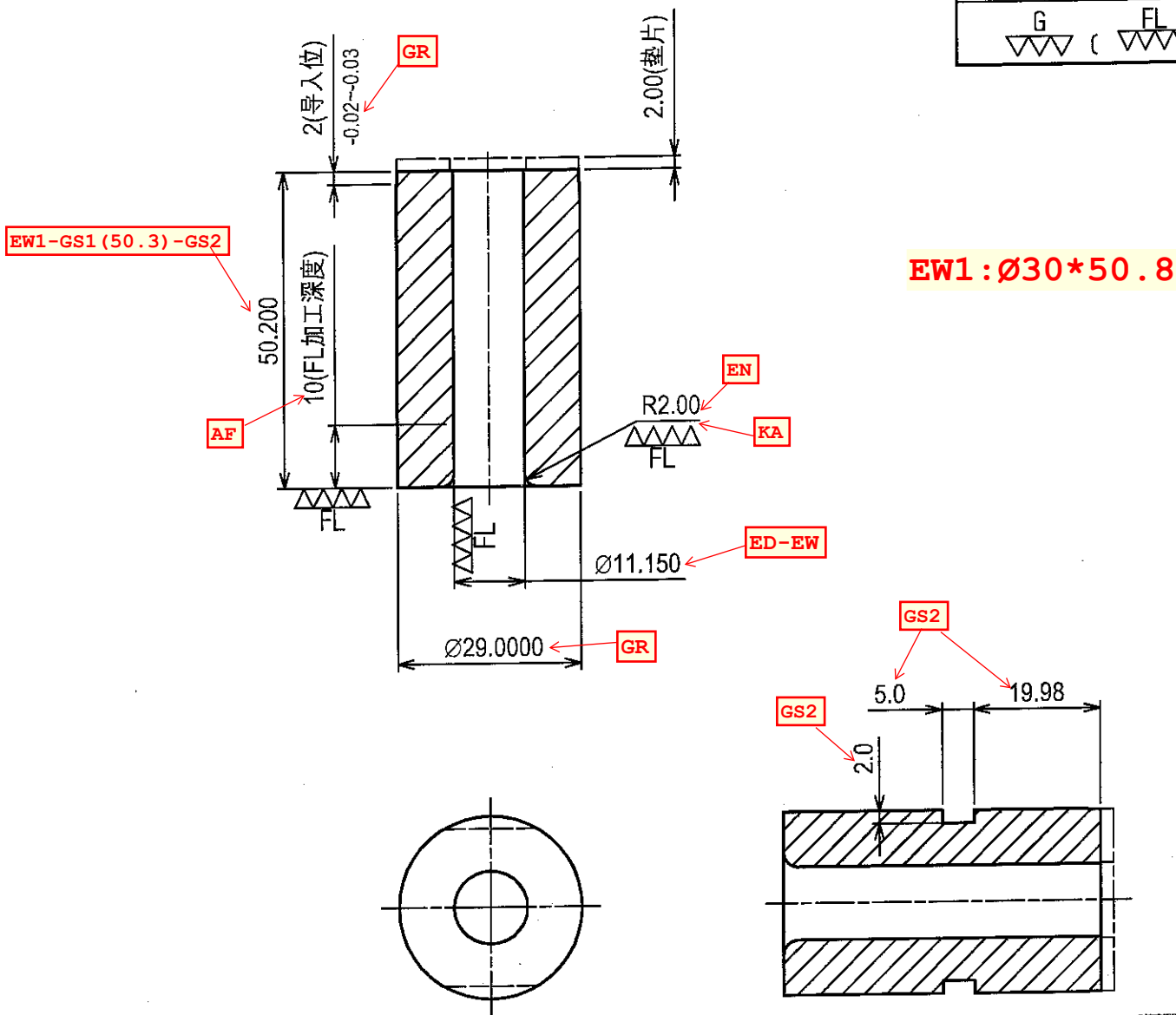


15/4 Co VL

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2014/02/19	新規設計		Zhou_Shao_Xiong	Zhang_Guang_Wu	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0
△						0.000	± 0.005	0.000 -0	-0.005
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0.005
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	-0
△						0.	± 0.2	0.0 +0	+0.01
								0.0 -0	-0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									

404 1438
213



出図 14-03-2018
製作加工用図 DUNG GIA CÔNG
14 -03- 2018
TRÀ VÉ SAU 3 H
NO COPY

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Zhou_Shao_Xiong	Zhang_Guang_Wu	部品図		絞りダイ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		DRAW DIE
HRC		部品図		引伸下模
		部品図		引伸下模
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D30/HIP)	2014/02/19	1:1		S911438

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

213 18 03 040

φ30 x 60

SNO: **S911438**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 Ø30*52	EW1:60 ED1:30 EW2:120 GR:120 GS1:60 EN:90 KA1:1 GS2:30 AF1:20 KT